TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ XUYÊN** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 120/2023/HNGĐ - ST
Ngày: 08 - 6 - 2023
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ XUYÊN, TP HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Lê Anh Phương.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đức Thịnh và bà Đỗ Thị Thanh Xuân.

- Thư ký ghi biên bản phiên toà: Bà Nguyễn Thị Lê Mai - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Xuyên, Thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Ngô Thanh Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Phú Xuyên, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 92/2023/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2023 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2023/QĐXX - ST ngày 24 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Bạch Thị X, sinh năm 1990.
Đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Thôn L, xã P, huyện Phú Xuyên, Thành phố Hà Nội. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1983.
Đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Thôn L, xã P, huyện Phú Xuyên, Thành phố Hà Nội. Văng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Bạch Thị X trình bày:

Chị với anh Nguyễn Văn T kết hôn từ tháng 12 năm 2008 là hôn nhân tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Phú Xuyên, Thành phố Hà Nội. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại thôn L, xã P, huyện Phú Xuyên. Sau một thời gian chung sống đến khoảng tháng 9/2019 vợ chồng bộc lộ sự không hòa hợp về tính cách, đặc biệt là bất đồng quan điểm trong cuộc sống, trong sinh hoạt gia đình, trong làm ăn kinh tế mỗi người một chí hướng không tìm được tiếng nói chung, không có sự tôn trọng, tin tưởng lẫn nhau, từ đó vợ chồng thường xuyên xảy ra to tiếng cãi vã, xúc phạm nhau thậm chí nhiều lần còn xảy ra xô xát. Cuối năm 2019 chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ sống ly thân anh T, nhưng vì thương các con nên chị đã quay về mong hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tuy nhiên mâu thuẫn vợ chồng không những không hóa giải được mà ngày càng trầm trọng nên tháng 4/2021

chị về ở nhà bố mẹ đẻ ở thôn L, xã P, huyện Phú Xuyên, vợ chồng chính thức sống ly thân đến nay không còn quan tâm cuộc sống của nhau.

Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân tồn tại chỉ là hình thức... nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho được l.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Nguyễn Tuấn K, sinh ngày 10/12/2007 và Nguyễn Phương T, sinh ngày 28/7/2012 hiện đang ở cùng anh T; ly hôn chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Phương T, để anh T nuôi con chung Nguyễn Tuấn K và không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Về tài sản chung vợ chồng: Chị không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về công nợ chung vợ chồng: Không có nên chị không yêu cầu Tòa giải quyết.

Tại các bản trình bày và biên bản lấy lời khai phía bị đơn anh Nguyễn Văn T trình bày:

Anh với chị Bạch Thị X kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn năm 2008 tại Uỷ ban nhân dân xã P, huyện Phú Xuyên. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau tại thôn L, xã Ph. Quá trình chung sống đến khoảng năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do không hợp tính, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, mặt khác anh nghi ngờ chị Xoan không chung thủy vợ chồng. Do mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng nên đã sống ly thân nhau từ cuối năm 2019 cho đến nay.

Trước yêu cầu ly hôn của chị X, phía anh T có quan điểm: Anh chưa đồng ý ly hôn chị X vì muốn vợ chồng tự giải quyết với nhau xong về con chung thì lúc này anh mới đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Nguyễn Tuấn K, sinh ngày 10/12/2007 và Nguyễn Phương T sinh ngày 28/7/2012 hiện đang ở cùng anh; ly hôn anh đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung và không yêu cầu chị X cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung vợ chồng: Anh không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về công nợ chung vợ chồng: Không có nên anh không yêu cầu Tòa giải quyết

Đại diện VKSND tham gia phiên toà xác định:

Quá trình tố tụng cũng như tại phiên toà, Thẩm phán, Thư ký được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định về thu thập chứng cứ, chấp hành đúng pháp luật tố tụng; Đương sự vắng mặt đã được Tòa án tạo mọi điều kiện để thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng dân sự; Đương sự có mặt đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình trong suốt quá trình tố tụng cũng như tại phiên toà...

Do mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, thời gian ly thân đã lâu, mục đích hôn nhân không đạt được, nên đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của chị Bạch Thị X và áp dụng các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình xử: Cho chị Bạch Thị X được ly hôn anh Nguyễn Văn T; giao chị Xoan trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Nguyễn Phương T, sinh ngày 28/7/2012; giao anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Nguyễn Tuấn K, sinh ngày 10/12/2007 và tạm hoãn cấp dưỡng nuôi con cho chị X, anh T; tài sản chung các bên đều không đề nghị Tòa xét nên không xét; công nợ chung các bên đều khẳng định không có nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở lời trình bày của các bên đương sự và quan điểm của Đại diện VKSND, HĐXX nhận định:

[1] *Về tố tụng:*

Đây là vụ kiện Hôn nhân và gia đình tranh chấp về ly hôn theo quy định tại Khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Do bị đơn có địa chỉ cư trú tại thôn L, xã P, huyện Phú Xuyên nên TAND huyện Phú Xuyên thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 35 và điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của bị đơn anh Nguyễn Văn T: Quá trình tố tụng anh T đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên việc xét xử vắng mặt bị đơn anh T là đúng quy định tại các Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung:*

Xét quan hệ hôn nhân giữa chị Bạch Thị X và anh Nguyễn Văn T là hôn nhân tự nguyện, hợp pháp có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P (Đăng ký kết hôn số 70 ngày 09/12/2008). Quá trình chung sống vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn kéo dài nhiều năm kể từ năm 2019 do bất đồng quan điểm trong cuộc sống cộng với tính cách không hòa hợp mỗi bên, không tôn trọng, tin tưởng nhau trong cuộc sống từ đó nảy sinh những xung đột mà đỉnh điểm mâu thuẫn vợ chồng từ năm 2021 khiến cả hai đã sống ly thân, chấm dứt mối quan hệ tình cảm vợ chồng cho đến nay.

Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa chị X và anh T đã đến mức trầm trọng, không có cơ hội hàn gắn bởi tình cảm vợ chồng thực sự không còn do thời gian mâu thuẫn, sống ly thân đã lâu, mục đích hôn nhân là hạnh phúc gia đình vì thế không đạt được, hôn nhân tồn tại chỉ là hình thức, không còn ý nghĩa… Vì vậy Hội đồng xét xử xét thấy, yêu cầu của chị X xin ly hôn anh T là có căn cứ, nên áp dụng các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình cho chị X ly hôn anh T.

Về con chung: Chị X và anh T có hai con chung là Nguyễn Tuấn K, sinh ngày 10/12/2007 và Nguyễn Phương T, sinh ngày 28/7/2012. Chị X yêu cầu được nuôi dưỡng cháu T, để anh T nuôi dưỡng cháu K; còn phía anh T yêu cầu được nuôi dưỡng cả hai con chung khi ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy:

Cả chị chị X, anh T đều không thuộc trường hợp hạn chế quyền của cha mẹ đối với con chưa thành niên và đều đảm bảo về điều kiện nuôi con theo quy định pháp luật. Vì vậy căn cứ vào các Điều 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình, cần giao chị X trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Nguyễn Phương T, sinh ngày 28/7/2012; giao anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Nguyễn Tuấn K, sinh ngày 10/12/2007 là hợp lẽ và tạm hoãn cấp dưỡng nuôi con cho chị X, anh T do các bên đều không yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Các bên đều không đề nghị Tòa xét nên Tòa không xét.

Về công nợ chung: Các bên đều khẳng định vợ chồng không có công nợ chung nên Tòa không xét.

[3] *Về án phí:* Nguyên đơn chị X phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[4] *Về quyền kháng cáo:* Nguyên đơn chị X và bị đơn anh T có quyền kháng cáo theo quy định tại các Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 57 Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Bạch Thị X được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Giao chị Bạch Thị X trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Nguyễn Phương T, sinh ngày 28/7/2012; giao anh Nguyễn Văn T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Nguyễn Tuấn K, sinh ngày 10/12/2007.

Tạm hoãn cho chị Bạch Thị X, anh Nguyễn Văn T việc cấp dưỡng nuôi con cho đến khi có yêu cầu hoặc có sự thay đổi theo quy định của pháp luật.

Chị Bạch Thị X, anh Nguyễn Văn T đều có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Các bên đều không đề nghị xem xét nên không xét.

4. Về án phí: Chị Bạch Thị X phải nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí ly hôn sơ thẩm, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu số 0048177 ngày 19/4/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Xuyên. Chị X đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, báo nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:
- TAND TP Hà Nội;
- VKSND huyện Phú Xuyên;
- VKSND TP Hà Nội;
- Chi cục THADS huyện Phú Xuyên;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Anh Phương